TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/DS- ST
Ngày: 29/9/2023
" V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thương và ông Ngô Mậu Hiệu

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Lộc Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST-DS ngày 04/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 21/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/QĐ- DS ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đại Đ, sinh năm 1947, bà Lê Thị D, sinh năm 1948 (vợ ông Đồng) cùng địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, do ông Lê Đại Đồng làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 24/3/3023, ông Đồng có mặt.

Đồng bị đơn: Bà Bùi Thị C, sinh năm 1943, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Lê Văn P; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Chị Lê Thị Lan; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Lê Văn H; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Chị Lê Thị Hải Y; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Chị Lê Thị P; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 25/3/2023, bản tự khai ngày 22/5/2023 và biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Lê Đại Đồng đều trình bày: Vợ chồng ông Đ, bà D có thửa đất số LNK 109/668m^2. Đầu năm 2017 gia đình ông Lê Xuân H và bà Bùi Thị C cùng các con lấn chiếm 376,9m^2 đất và trồng trái phép gồm 55 cây

keo trên phần diện tích đất này, gây thiệt hại cho vợ chồng ông Đ, bà D1 lứa cây keo. Vì vậy vợ chồng ông Đ không có đất để trồng và thu hoạch gồm 175 cây keo/lứa, thiệt hại kinh tế là 8.750.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã tuyên bản án sơ thẩm số 4/2019, buộc ông H dỡ bỏ 55 cây keo đã trồng trái phép và trả lại số đất đã lấn chiếm trái phép cho vợ chồng ông Đ là 376,9m^2 nói trên để vợ chồng ông Đ quản lý, sử dụng. Ngày 25/6/2019, ông H đã ký biên bản xác nhận trả lại toàn bộ phần đất đã lấn chiếm trên cho vợ chồng ông Đ quản lý, sử dụng tại biên bản giao nhận tài sản thi hành án dân sự. Nhưng từ ngày 01/4/2021 đến ngày 18/4/2021, mẹ con bà C, anh P, chị P, chị L, anh H, chị Y đã tiếp tục lấn chiếm trái phép 376,9m^2 diện tích đất trên (lần 2) để khai thác, thu hoạch 55 cây keo và trồng trái pháp luật 175 cây keo trên đất này của vợ chồng ông Đ. Hậu quả đã gây thiệt hại kinh tế cho vợ chồng ông Đ lần 2 là 11.500.000 đồng. Vì sự việc trên mà vợ chồng ông Đ không có đất để trồng và thu hoạch cây trên đất này. Bản tự khai ngày 15/7/2022 của Lê Văn P tại Tòa án nhân dân huyện L là bằng chứng chứng minh 6 mẹ con bà C đã cố ý lấn chiếm đất, trồng cây trái pháp luật đến 2 lần kể từ năm 2017 đến nay.

Vụ việc trên, ông Đ đã yêu cầu UBND xã T giải quyết nhưng các thành viên mẹ con bà C đều vắng mặt không có lý do. Nên biên bản hòa giải của UBND xã 2 lần đều không thành. Do đó, buộc vợ chồng ông Đ phải khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết vụ việc với yêu cầu:

- Xử buộc mẹ con bà C (bà C, anh P, anh H, chị Y, chị P, và chị L) nhổ bỏ 175 cây keo đã trồng trái phép trên phần đất 376,9m^2 trong thửa đất số LNK109/669m^2 của vợ chồng ông Đ và trả lại 376,9m^2 đất này cho vợ chồng ông quản lý và sử dụng; phục hồi như trước bờ thửa, đường hào ranh giới giữa hai thửa đất của ông Đvà thửa đất của mẹ con anh P, bà C trước năm 2017.

- Xử buộc mẹ con bà C phải bồi thường thiệt hại tài sản, kinh tế cho vợ chồng ông Đ 2 lứa vụ cây keo mà mẹ con bà C đã cố ý lấn chiếm 376,9m^2 đất nói trên từ năm 2017 đến nay là 175 cây/lứa x 50.000 đồng/cây x 2 lứa = 17.500.000 đồng.

- Xử buộc các con của bà C phải nộp án phí và phí thẩm định tài sản đất đai, cây trồng 100%.

- Đề nghị Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí cho vợ chồng ông Đồng vì 2 người thuộc diện người cao tuổi.

Đồng bị đơn bà Bùi Thị C, Lê Văn P, Lê Thị L, Lê Văn H, Lê Thị P, Lê Thị Hải Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, kể cả nhiều phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chỉ có anh Lê Văn P có mặt tại phiên định giá tài sản và lần hòa giải sau cùng ngày 10/8/2023.

Tại phiên hòa giải ngày 10/8/2023 anh Lê Văn P trình bày: Anh không đồng ý với ý kiến của ông Đ, vì đây là phần đất mà gia đình anh đã sử dụng lâu năm nên anh không nhất trí trả lại cho ông Đ và không bồi thường thiệt hại về số cây mà ông Đ yêu cầu.

Ngày 10/8/2023, Tòa án đã tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số LNK 109/668m^2, tờ bản đồ 08, diện tích 668m^2 tại thôn X, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Bình (cũ) của hộ ông Lê Đại Đ.

Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã căn cứ vào tờ bản đồ số 08 tại UBND xã V (cũ) nay là xã T và kết quả đo thực địa thửa đất đang tranh chấp có diện tích là 370,4m^2, các ranh giới, hình thể, số đo cụ thể:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 88 có số đo 18,70m.
- Phía Nam giáp đường nội đồng có số đo 19,78m.
- Phía Đông giáp với thửa đất số 88 có số đo 22,39m.
- Phía Tây nằm trong phần đất của thửa đất 109 có số đo 17,59m. Tổng diện tích: 370,4m^2.

Trong phần diện tích trên có một phần diện tích gia đình bà C đã trồng 110 cây keo tràm φ >5cm và 60 cây keo tràm φ>2cm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký được đảm bảo đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ đúng theo quy định của pháp luật, đồng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đề nghị áp dụng Điều 203 của Luật đất đai, các điều 579, 580, 581 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, anh Lê Văn H, chị Lê Thị Hải Y, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị L nhổ bỏ 110 cây keo loại φ > 5cm - ≤ 10cm và 60 cây loại φ> 2cm- φ ≤ 5cm đã trồng trái phép trên phần đất 370,4m^2 trong thửa đất số 109, tờ bản đồ số 8, diện tích 668m^2 của vợ chồng ông Đ và trả lại 370,4m^2 đất này cho vợ chồng ông quản lý và sử dụng; buộc bà C cùng các con phải bồi thường cho vợ chồng ông Đ, bà D 01 lứa keo trị giá 2.802.000 đồng; về án phí và lệ phí xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp và những người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, người khởi kiện không yêu cầu giải quyết tranh chấp tại UBND cấp có thẩm quyền. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn cư trú tại xã T, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đồng bị đơn bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y được Tòa án triệu tập đến tòa lần thứ hai được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Yêu cầu của đại diện nguyên đơn ông Lê Đại Đ là buộc bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P và chị Lê Thị Hải Y

nhổ bỏ 175 cây keo tràm đã trồng trái phép trên phần đất 376,9m^2 trong thửa đất số LNK109/668m^2 của vợ chồng ông Đồng với diện tích 376,9m^2.

Tại phiên tòa ông Đ yêu cầu bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P và chị Lê Thị Hải Y nhổ bỏ 170 cây keo tràm đã trồng trái phép trên phần đất 370,4m^2 (như kết quả của Hội đồng thẩm định ngày 10/8/2023) phải trả lại 370,4m^2; phục hồi như trước bờ thửa, đường hào ranh giới giữa hai thửa đất của ông Đ và thửa đất của mẹ con anh P, bà C trước năm 2017.

Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trích lục bản đồ địa chính, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và xác nhận của UBND xã T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hộ ông Lê Đại Đ được cấp thửa đất số 109, tờ bản đồ 109 diện tích 688m^2, năm 2019 ông Đ đã khởi kiện yêu cầu ông Lê Xuân H (là chồng của bà Bùi Thị C) phải dỡ bỏ 55 cây keo đã trồng và trả lại số đất đã lấn chiếm trái phép cho vợ chồng ông Đlà 376,9m^2. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã tuyên bản án sơ thẩm số 4/2019, buộc ông H dỡ bỏ 55 cây keo đã trồng trái phép và trả lại số đất đã lấn chiếm trái phép cho vợ chồng ông Đ là 376,9m^2 nói trên để vợ chồng ông Đ quản lý, sử dụng. Ngày 25/6/2019, ông H đã ký biên bản xác nhận trả lại toàn bộ phần đất đã lấn chiếm trên cho vợ chồng ông Đ quản lý, sử dụng tại biên bản giao nhận tài sản thi hành án dân sự. Nhưng từ ngày 01/4/2021 đến ngày 18/4/2021, bà C, anh P, chị P, chị L, anh H, chị Y vẫn tiếp tục trồng trên diện tích đất 370,4m^2.

[2.2] Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất đã cấp cho ông Lê Đại Đ và diện tích đất tranh chấp, xác định:

- Phần đất ông Lê Đại Đ thực tế đang sử dụng diện tích 297,6m^2 ít hơn so với Sơ đồ đất được cấp là 370,4m^2 tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 8 diện tích 668m^2 mang tên Lê Đại Đ tại xã V (nay là xã T) huyện L, tỉnh Quảng Bình. Diện tích tranh chấp 370,4m^2

- Kết quả định giá diện tích 370,4m^2:

+ Đất trồng cây lâu năm, vị trí 2, có đơn giá: 15.000 đồng/m^2 (370,4m^2 x 15.000 đồng = 5.556.000 đồng).

- Kết quả định giá số tài sản trên đất, tổng trị giá trên đất là:

+ 110 cây keo loại φ > 5cm - ≤ 10 cm (110 cây x 18.000 đồng = 1.980.000 đồng;

+ 60 cây loại φ> 2cm- φ ≤ 5cm (60 cây x 13.700 đồng = 822.000 đồng)

Tổng cộng cả giá trị diện tích đất và cây trên đất là: 8.358.000 đồng.

Về phần trình bày của anh Lê Văn P: Anh không đồng ý với ý kiến của ông Đ, vì đây là phần đất mà gia đình anh đã sử dụng lâu năm nên anh không nhất trí trả lại cho ông Đ và không bồi thường thiệt hại về số cây mà ông Đ yêu cầu. Nhưng anh không đưa ra được chứng cứ tài liệu gì để chứng minh phần đất đang tranh chấp là của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Đ không chấp nhận theo trình bày của anh P mà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, anh P, chị L, anh H, chị P, và chị Y phải dỡ bỏ toàn bộ 170 cây keo tràm trên diện tích 370,4m^2 để trả lại toàn bộ cho hộ ông. Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y đã có hành vi xâm chiếm và trồng cây bất hợp pháp trên đất của hộ ông Đ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (do ông Lê Đại Đ

làm đại diện) để buộc bà C, anh P, chị L, anh H, chị P, và chị Y phải dỡ bỏ toàn bộ 170 cây keo tràm và trả lại diện tích đất là 370,4m^2 cho hộ ông Đ theo sơ đồ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày10/8/2023, vì đã có hành vi chiếm hữu, sử dụng đất không có căn cứ pháp luật và trái ý muốn của hộ ông Đ là phù hợp với các Điều 163, 164, 166, 579, 580 của Bộ luật dân sự và các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai.

Về yêu cầu của ông Đ tại phiên tòa buộc các đồng bị đơn phải phục hồi như trước bờ thửa, đường hào ranh giới giữa hai thửa đất của ông Đ và thửa đất của mẹ con anh P, bà C trước năm 2017. Xét thấy yêu cầu này đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về yêu cầu của nguyên đơn, buộc Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y bồi thường thiệt hại 02 lứa cây keo tràm trên diện tích đất mẹ con bà C lấn chiếm 376,9m^2 là 175 cây, trị giá 02 lứa cây là 17.500.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định và đã áp dụng trên phần đất đang tranh chấp có diện tích 370,4m^2 và 170 cây keo tràm (trong đó có 110 cây keo loại φ > 5cm - ≤ 10 cm trị giá:1.980.000 đồng và 60 cây loại φ> 2cm- φ ≤ 5cm trị giá: 822.000 đồng) tổng trị giá 2.802.000 đồng. Theo ông Đ trình bày một lứa cây keo tràm khoảng từ 04 năm trở lên, mẹ con bà C đã trồng từ năm 2017 cho tới nay là 07 năm. Song năm 2019 ông Đ đã khởi kiện ông Lê Xuân H, sau đó mẹ con bà C mới trồng, vì vậy cần buộc bà C cùng các con phải bồi thường cho hộ ông Đ số tiền 2.802.000 đồng (01 lứa keo tràm).

[2.4]. Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản nguyên đơn đã nộp cho Hội đồng thẩm định, định giá số tiền 6.000.000 đồng; số tiền này đã chi phí cho Hội đồng thẩm định và định giá tài sản hết 5.900.000 đồng (theo danh sách chi trả). Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chứng minh việc yêu cầu thẩm định, định giá tài sản của đại diện nguyên đơn ông Lê Đại Đ là có căn cứ nên buộc bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y phải chịu số tiền này. Ông Đ đã tạm nộp, nay cần buộc bà C, anh P, anh H, chị L, chị Y, chị P có nghĩa vụ giao lại cho ông Đ theo quy định các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trả lại cho ông Đ100.000 đồng tiền thẩm định, định giá còn thừa.

[2.5].Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn bà Bùi Thị C, sinh năm 1943 là người cao tuổi. Mặc dù bà không có đơn xin miễn án phí, nhưng xét thấy bà thuộc diện người cao tuổi nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Cháu theo quy định tại các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2.6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 163,164, 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai; căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Đại Đ, buộc đồng bị đơn Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y phải dỡ bỏ toàn bộ 170 cây keo tràm (trong đó110 cây keo loại φ > 5cm - ≤ 10 cm và 60 cây loại φ> 2cm- φ ≤ 5cm) đã trồng trên diện tích 370,4m^2 để trả lại cho hộ ông Lê Đại Đ tại thửa 109 tờ bản đồ số 08 cụ thể:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 88 có số đo 18,70m.
- Phía Nam giáp đường nội đồng có số đo 19,78m.
- Phía Đông giáp với thửa đất số 88 có số đo 22,39m.
- Phía Tây nằm trong phần đất của thửa đất 109 có số đo 17,59m. Tổng diện tích: 370,4m^2.

+ Xử buộc đồng bị đơn Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y phải bồi thường thiệt hại một lứa cây keo tràm 170 cây trị giá 2.802.000 đồng theo kỷ phần: Bà C 467.000 đồng; anh P 467.000 đồng; chị L 467.000 đồng; anh H 467.000 đồng; chị P 467.000 đồng; chị Y 467.000 đồng;

+ Xử buộc bà Bùi Thị C, anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản 5.900.000 đồng cho ông Đ theo kỷ phần: Bà C 983.000 đồng; anh P 983.000 đồng; chị L 983.000 đồng; anh H 983.000 đồng; chị P 983.000 đồng; chị Y 983.000 đồng;

+ Nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Bùi Thị C.

Anh Lê Văn P, chị Lê Thị L, anh Lê Văn H, chị Lê Thị P, và chị Lê Thị Hải Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/9/2023), đồng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án tống đạt hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- UBND xã T (để biết);
- Lưu HS; Lưu VP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương